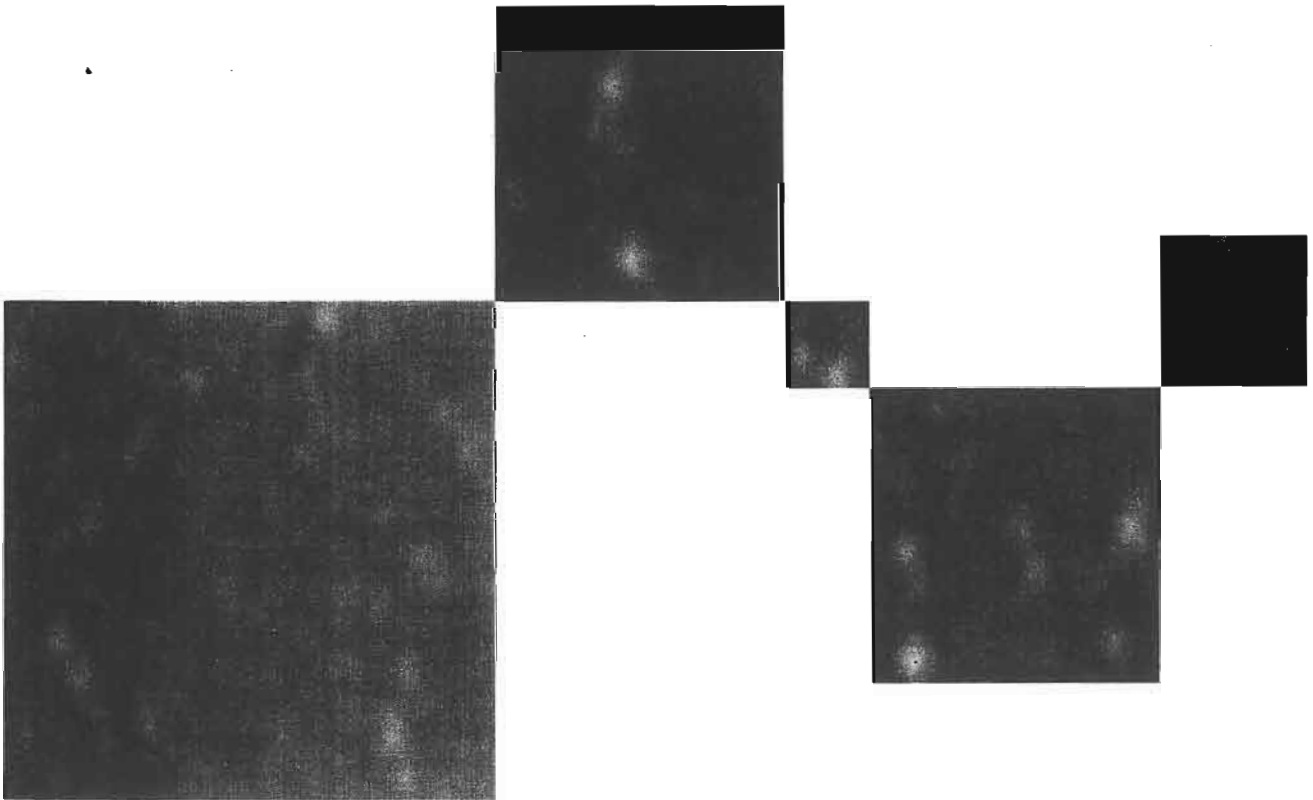


CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KSI VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ KINGSTON SMITH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ 120

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	6-31
Bảng Cân đối Kế toán	6
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	10
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	11
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	13-31

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ 120

609 đường Trương Định - P.Giáp Bát - Q.Hoàng Mai - TP.Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí 120 (sau đây gọi là Công ty) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo Tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Công ty

Công ty Cổ phần Cơ khí 120 là doanh nghiệp được thành lập từ việc cổ phần hoá từ đơn vị kinh tế thuộc Doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy cơ khí 120 trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam theo Quyết định số 2391/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 07 năm 2007 về việc phê duyệt phương án chuyển Nhà máy Cơ khí 120 đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam thành Công ty Cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025816 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 07 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 11 tháng 01 năm 2011, theo đó mã số Doanh nghiệp là 0102833561.

Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Xây dựng các Công trình giao thông, công nghiệp và dân dụng nhóm C;
 - Kinh doanh Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị giao thông vận tải, phụ tùng ô tô, xe máy;
 - Lắp ráp, kinh doanh xe máy, phương tiện vận tải;
 - Sản xuất, sửa chữa thiết bị, phương tiện giao thông, sản phẩm công nghiệp;
 - Xuất nhập khẩu phụ tùng ô tô, xe gắn máy;
 - Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị giao thông vận tải;
 - Lắp ráp xe gắn máy dạng IKD và các phương tiện giao thông vận tải;
 - Xây lắp các công trình công nghiệp;
 - Sản xuất kết cấu thép;
 - Sản xuất, sửa chữa phương tiện, thiết bị giao thông vận tải;
 - Kinh doanh bất động sản./
- (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)

Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2013: 30.000.000.000 VND

Trụ sở Công ty: 609 đường Trương Định - P.Giáp Bát - Q.Hoàng Mai - TP.Hà Nội

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập Báo cáo Tài chính

Không có các sự kiện trọng yếu nào diễn ra sau ngày khóa sổ lập Báo cáo Tài chính đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo Tài chính.

Ban lãnh đạo Công ty

Các thành viên Ban lãnh đạo Công ty trong kỳ kế toán và tại thời điểm lập Báo cáo Tài chính gồm:

Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
Hội đồng quản trị		
Ông Vũ Việt Hùng	Chủ tịch	
Ông Trịnh Đình Hùng	Phó Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 27/12/2013
Ông Lê Huy Hoàng	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên	
Ông Hà Tuấn Anh	Thành viên	Miễn nhiệm từ 27/12/2013
Ông Lê Thanh Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm từ 27/12/2013
Bà Lưu Bích Hạnh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 27/12/2013
Ban giám đốc		
Ông Vũ Việt Hùng	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Huy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ 120

609 đường Trương Định - P.Giáp Bát - Q.Hoàng Mai - TP.Hà Nội

Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán KSI Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo Tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo Tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo Tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo Tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo Tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo Tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo Tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo Tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN CƠ KHÍ
120

HOÀNG MAI - TP. HÀ NỘI

Vũ Việt Hùng



Số: 33/2014/BCKT/TC-KSIHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí 120**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo Tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí 120 được lập ngày 31 tháng 03 năm 2014 từ trang 6 đến trang 31 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (nếu có), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo Tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

i) Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các biên bản đối chiếu công nợ phải thu, phải trả, tại thời điểm khóa số lập Báo cáo Tài chính năm. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác chúng tôi cũng không thu thập được các bằng chứng để đưa ra ý kiến về giá trị của các khoản mục này trên Báo cáo tài chính.

ii) Công ty chưa ghi nhận vào thu nhập khác số tiền là 4.428.967.977 VNĐ tương ứng với chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo kiến nghị của đoàn Thanh tra Bộ Giao Thông vận tải ngày 27 tháng 09 năm 2012. Giá trị được đề nghị ghi nhận này là theo giá tạm tính trên dự toán của đơn vị cung cấp, đơn vị chưa lập hội đồng để đánh giá lại giá trị thực của số tài sản này. Ngoài ra, đơn vị chưa ghi nhận một số tài sản thừa trong kiểm kê thực tế vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

iii) Như đã nêu tại thuyết minh số V.10 năm 2009 và năm 2010 Công ty được nhận 50 tỷ đồng từ Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Toàn Cầu theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 66/2009/GP.Invest-CK120 ngày 05 tháng 10 năm 2009 bao gồm tiền đền bù toàn bộ tài sản trên đất, tiền lợi thế thương mại của khu đất, tiền hỗ trợ di chuyển thiết bị sản xuất trong nhà máy, tiền hỗ trợ ngừng việc, tiền lãi trả trước từ việc đầu tư xây dựng và khai thác dự án, để tài đầu tư xây dựng nhà máy mới. Số tiền trên sau khi trừ hết chi phí đền bù tài sản, tiền hỗ trợ di chuyển thiết bị sản xuất, tiền hỗ trợ ngừng việc thì lãi trả trước từ việc đầu tư và khai thác dự án còn lại là 37,57 tỷ đồng. Toàn bộ 50 tỷ đồng này đang được công ty ghi nhận vào thu nhập khác trong năm 2009 là 23 tỷ đồng và năm 2010 là 27 tỷ đồng. Trong năm 2013, đơn vị đã điều chỉnh phân bổ lại tiền lãi trả trước từ việc đầu tư và khai thác dự án 37,57 tỷ đồng trong thời gian từ tháng 10/2009 đến hết năm 2015. Theo giấy chứng nhận đầu tư số 01121000904 ngày 22 tháng 11 năm 2010 của UBND thành phố Hà Nội, thời gian hoạt động của dự án là 50 năm.

iv) Như đã nêu tại thuyết minh V.19 trong năm 2013 đơn vị đang ghi nhận điều chỉnh một số khoản thu nhập và chi phí từ các năm trước vào chi tiêu lợi nhuận chưa phân phối năm trước trên Bảng cân đối kế toán mà không điều chỉnh hồi tố số liệu so sánh theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 29 về Thay đổi chính sách kế toán, tước tính kế toán và các sai sót.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

i) Như đã nêu tại thuyết minh V.12 Công ty đang nợ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng số tiền gốc là 31.153.182.703 VNĐ, lãi dự tính đến thời điểm 31/12/2013 là 5.521.929.506 VNĐ. Khoản nợ này đã bị phân loại là nợ xấu từ ngày 12/04/2013. Ngày 02/04/2014 NHTMCP Công thương Việt Nam đã có Công văn số 146/CV-CNHBTP-PTH gửi đến Công ty yêu cầu bàn giao tài sản thế chấp là: Nhà làm việc trên khu đất có tổng diện tích 1.650 m² tại 609 Trương Định, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội và 04 xe ô tô đã được thỏa thuận trong các hợp đồng tính dụng số 306/HĐTD ngày 15/7/2011; số 250/HĐTD ngày 6/8/2012, số 315/HĐTD ngày 5/11/2012; số 319/HĐTD ngày 03/12/2012 và số 339/HĐTD ngày 25/12/2012.

ii) Như đã nêu tại thuyết minh V.10 Dự án Nhà máy chế tạo kết cấu thép, phụ tùng Ô tô tại Hưng Yên hiện đang trong quá trình giải quyết tranh chấp. Bên cạnh đó Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 của Công ty lỗ 58.753.074.868 đồng, số lỗ lũy kế đến 31/12/2013 của Công ty là 82.884.389.554 đồng. Tại ngày 31/12/2013, tổng nợ phải trả vượt quá tổng tài sản với số tiền 38.024.131.878 đồng. Tất cả các yếu tố nêu trên đã gây nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào khả năng thu được lợi nhuận, sự bổ sung về vốn của chủ đầu tư trong tương lai và quyết định cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền có phê duyệt cho Dự án Nhà máy chế tạo kết cấu thép, phụ tùng Ô tô tại Hưng Yên được tiếp tục hoạt động nữa hay không. Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả thiết công ty tiếp tục hoạt động kinh doanh. Chưa có bất kỳ bút toán nào được đưa ra để điều chỉnh cho Báo cáo tài chính do ảnh hưởng của vấn đề nêu trên.



Đỗ Khắc Tiến

Giám Đốc

Giấy Đăng ký hành nghề 1150-2014-046-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán KSI Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2014

Bùi Đình Đạt

Kiểm toán viên

Giấy Đăng ký hành nghề số: 2471-2014-046-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A Tài sản ngắn hạn	100		33.894.578.480	57.636.655.590
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	537.944.019	1.011.036.570
1 Tiền	111		537.944.019	1.011.036.570
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1 Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.912.930.136	6.014.122.419
1 Phải thu của khách hàng	131	V.2	5.726.872.856	4.505.495.796
2 Trả trước cho người bán	132	V.3	681.581.550	1.328.874.052
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5 Các khoản phải thu khác	135	V.4	9.918.559.543	179.752.571
6 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.5	(2.414.083.813)	-
IV Hàng tồn kho	140		14.590.772.898	44.143.158.312
1 Hàng tồn kho	141	V.6	14.590.772.898	44.143.158.312
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		4.852.931.427	6.468.338.289
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.7	4.143.802.769	3.785.110.398
3 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		4.126.365	-
4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5 Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	705.002.293	2.683.227.891
B Tài sản dài hạn	200		58.282.534.263	81.443.711.038
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
2 Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
3 Phải thu dài hạn khác	218		-	-
4 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II Tài sản cố định	220		58.232.288.486	74.403.989.109
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.068.353.639	1.033.248.340
- Nguyên giá	222		11.626.459.319	11.935.202.751
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.558.105.680)	(10.901.954.411)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3 Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	57.163.934.847	73.370.740.769
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3 Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		50.245.777	7.039.721.929
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	50.245.777	7.039.721.929
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3 Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		92.177.112.743	139.080.366.628

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A Nợ phải trả	300		130.201.244.621	105.487.670.968
I Nợ ngắn hạn	310		118.177.246.696	105.487.670.968
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	66.290.907.268	51.899.583.829
2 Phải trả cho người bán	312	V.13	20.924.645.983	18.940.994.921
3 Người mua trả tiền trước	313	V.14	174.483.315	4.884.642.616
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	5.115.542.571	11.864.383.455
5 Phải trả người lao động	315		878.608.498	688.665.066
6 Chi phí phải trả	316	V.16	10.522.597.646	4.196.513.969
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	318		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.17	14.255.422.975	12.991.248.672
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		15.038.440	21.638.440
12 Giao dịch mua bán lại trái phiếu CP	327		-	-
II Nợ dài hạn	330		12.023.997.925	-
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2 Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4 Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338	V.18	12.023.997.925	-
9 Quỹ phát triển khoa học và Công nghệ	339		-	-
B Nguồn vốn chủ sở hữu	400		(38.024.131.878)	33.592.695.660
I Vốn chủ sở hữu	410	V.19	(38.024.131.878)	33.592.695.660
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		760.959.408	760.959.408
3 Vốn khác của CSH	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		13.211.137.223	13.211.137.223
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		888.161.045	888.161.045
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(82.884.389.554)	(11.267.562.016)
11 Nguồn vốn ĐTXDCB	421		-	-
12 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1 Nguồn kinh phí	432		-	-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		92.177.112.743	139.080.366.628

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- EUR		-	-
- USD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2014

Kê toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Hạnh**Tổng Giám đốc****Vũ Việt Hùng**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	24.427.459.180	6.987.857.352
2. Các khoản giảm trừ	02		-	109.544.559
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		24.427.459.180	6.878.312.793
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	67.624.253.054	6.522.908.067
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(43.196.793.874)	355.404.726
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	24.367.227	38.899.170
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.571.195.063	4.623.621.615
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>			<i>7.554.463.995</i>	<i>4.623.621.615</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	7.966.418.066	268.983.440
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(61.710.039.776)	(4.498.301.159)
11. Thu nhập khác	31		6.078.336.980	463.987.791
12. Chi phí khác	32		3.121.372.072	160.568.596
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	2.956.964.908	303.419.195
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(58.753.074.868)	(4.194.881.964)
15. Chi phí thuế TN hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế TN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(58.753.074.868)	(4.194.881.964)
18. Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	70		(19.584,36)	(1.398,29)

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Vũ Việt Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		20.850.734.332	10.074.646.699
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(31.220.511.249)	(21.590.812.845)
3. Tiền chi trả cho người lao động		(1.374.596.634)	(1.098.317.657)
4. Tiền chi trả lãi vay		(2.172.845.318)	(4.798.085.602)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(823.542)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		724.383.079	5.464.397.004
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.491.022.439)	(320.455.376)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(14.684.681.771)	(12.268.627.777)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(202.400.000)	(2.882.596.769)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		650.000	201.850.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		24.365.781	38.899.170
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(177.384.219)	(2.641.847.599)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		31.476.050.130	61.608.146.008
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(17.084.726.691)	(53.464.355.971)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.350.000)	(152.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		14.388.973.439	7.991.390.037

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

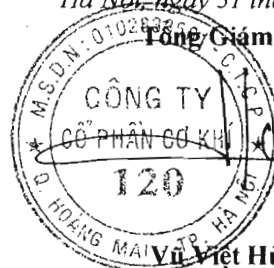
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Năm 2013**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(473.092.551)	(6.919.085.339)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	1.011.036.570	7.930.121.909
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	537.944.019	1.011.036.570

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng**Nguyễn Thị Hồng Hạnh****Tổng Giám đốc****Vũ Việt Hùng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Cơ khí 120 là doanh nghiệp được thành lập từ việc cổ phần hoá từ đơn vị kinh tế thuộc Doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy cơ khí 120 trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam theo Quyết định số 2391/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 07 năm 2007 về việc phê duyệt phương án chuyển Nhà máy Cơ khí 120 đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam thành Công ty Cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025816 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 07 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 11 tháng 01 năm 2011, theo đó mã số Doanh nghiệp là 0102833561.

Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2013: 30.000.000.000 VND

2 Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng các Công trình giao thông, công nghiệp và dân dụng nhóm C;
- Kinh doanh Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị giao thông vận tải, phụ tùng ô tô, xe máy;
- Lắp ráp, kinh doanh xe máy, phương tiện vận tải;
- Sản xuất, sửa chữa thiết bị, phương tiện giao thông, sản phẩm công nghiệp;
- Xuất nhập khẩu phụ tùng ô tô, xe gắn máy;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị giao thông vận tải;
- Lắp ráp xe gắn máy dạng IKD và các phương tiện giao thông vận tải;
- Xây lắp các công trình công nghiệp;
- Sản xuất kết cấu thép;
- Sản xuất, sửa chữa phương tiện, thiết bị giao thông vận tải;
- Kinh doanh bất động sản./.

(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1 Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn do Nhà nước ban hành. Các Báo cáo Tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định tại các chuẩn mực, thông tư hướng dẫn chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1 Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển:****1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

2.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Giá trị nguyên vật liệu tồn kho xác định theo phương pháp nhập giá đích danh.

2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể được bán trong kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí hoàn tất và chi phí bán các hàng hóa đó.

3 Ghi nhận nguyên giá và hao mòn tài sản cố định:**3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

3.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	: 06-30 năm
- Máy móc, thiết bị	: 05-10 năm
- Phương tiện vận tải	: 06-10 năm
- Thiết bị văn phòng	: 03-07 năm
- Các tài sản khác	: 03-05 năm

4 Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay. Các khoản chi phí đi vay còn lại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

5 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

6 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**7.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

7.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

7.3 Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định theo khối lượng thực hiện đã được xác nhận của chủ đầu tư.

7.4 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

8 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng theo phương pháp công nợ cho sự chênh lệch tạm thời giữa giá trị tính thuế của tài sản và nợ phải trả với giá trị sổ sách ghi trên Báo cáo Tài chính. Tuy nhiên, thuế thu nhập hoãn lại không được tính khi nó phát sinh từ sự ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sát nhập doanh nghiệp mà giao dịch đó không có ảnh hưởng đến lợi nhuận/ lỗ kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất của niên độ phát sinh các chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

9 Các bên có liên quan

Các bên có liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con - các cá nhân, trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ hình thức pháp lý.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đơn vị tính: VNĐ

V.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	5.077.525	149.218.262
Tiền gửi ngân hàng	532.866.494	861.818.308
Tiền VND gửi ngân hàng	532.866.494	861.818.308
<i>NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Kinh Đô</i>	1.240.214	1.738.981
<i>Ngân hàng TMCP An Bình</i>	1.079.295	1.061.904
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	1.345.124	352.372.924
<i>NH TMCP Dầu khí Toàn Cầu - CN Hoàn Kiếm</i>	2.106.419	2.106.419
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	521.978.471	496.986.541
<i>NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm</i>	696.414	696.414
<i>Ngân hàng NN và PT Nông thôn</i>	845.072	1.138.872
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Hưng Yên</i>	1.020.804	1.020.804
<i>Ngân hàng TMCP Quốc Tế</i>	1.348.947	1.348.947
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín</i>	1.247.800	1.247.800
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ thương</i>	(42.066)	2.098.702
Tiền USD gửi ngân hàng	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	537.944.019	1.011.036.570

V.2 Các khoản phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Nam	2.008.296.455	-
Công ty Xây lắp và SX Công nghiệp	-	53.107.500
Công ty Cổ phần Thành Long	11.101.031	8.774.926
Công ty CP Đầu tư và XD Thiên Danh An	1.540.005.760	1.875.857.403
Sở giao thông vận tải Hoà Bình	349.626.036	349.626.036
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	-	227.091
Ban Quản lý dự án điện Miền Bắc	-	21.041.766
Ban Quản lý dự án điện Miền Trung	-	4.763.381
Sở giao thông vận tải Ninh Bình	91.791.818	91.791.818
Ban Dự án Phát thanh	-	27.018.000
Xí nghiệp Sông Đà 11.1	-	17.906.616
Công ty CP Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	808.165.171	908.165.171
Đài phát thanh Truyền hình Hưng Yên	-	45.390.010
Công ty Thăng Long	-	41.363.000
Sở giao thông vận tải Thái Nguyên	561.791.816	561.791.816
Công ty TNHH Công trình Viettel	226.851.569	226.851.569
Công ty CP Đầu tư & XD Việt Trung	-	44.497.300
Công ty Xây lắp Điện 1	-	44.829.175
Công ty Xây lắp Điện 4	-	122.399.218
Công ty TNHH Chu Toàn	129.243.200	53.325.000
Khách sạn Vinamotor	-	6.769.000
Cộng	5.726.872.856	4.505.495.796

V.3 Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty An Việt (thuê mại)	3.005.150	3.005.150
Công ty CP Nhất Tùng	9.500.000	9.500.000
Công ty TNHH Khí CN Đông Anh	10.643.700	11.699.700
Liên hiệp KS địa chất, xử lý nền móng công trình	3.000.000	3.000.000
Công ty Thành An	-	30.000.002
Công ty TNHH Xây dựng và TM Tân Phú	18.000.000	18.000.000
Công ty TNHH Xây lắp CN và TM Ngọc Hải	86.741.500	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Công nghệ mới	20.000.000	20.000.000
Công ty Tư vấn giám sát (Hiếu)	30.000.000	30.000.000
Nhà KCT IB- Hưng Yên	5.000.000	5.000.000
Viện KH công nghệ XD (Hưng Yên)	22.000.000	22.000.000
Công ty Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng	150.000.000	150.000.000
Công ty CP Tư vấn XD Sông Hồng	160.000.000	160.000.000
Công ty CP Tư vấn kiến trúc XD Thủ Đô	56.000.000	56.000.000
Viện chuyên ngành KCT Xây dựng	98.000.000	98.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương	9.691.200	9.691.200
VT Điện Biên	-	249.000.000
Tuân - Cầu Kon Tum	-	100.000.000
Doanh nghiệp TN Anh Quân	-	148.750.000
Công ty CP XL các CT Tây Nguyên	-	121.000.000
Ông Hùng KHĐT	-	48.000.000
BCH quân sự Quận Hoàng Mai	-	23.883.000
Viện quy hoạch xây dựng Hà Nội	-	12.345.000
Cộng	<u>681.581.550</u>	<u>1.328.874.052</u>

V.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khác	9.918.559.543	179.752.571
<i>Công ty CP Thương mại và Đầu tư Thịnh Khang</i>	-	120.100.000
<i>Phải thu tiền Bảo hiểm xã hội của người lao động</i>	77.711.384	59.652.571
<i>Tiền đền bù giải phóng mặt bằng tại Hưng Yên được bù trừ với tiền thuê đất Hưng Yên hàng năm</i>	9.840.848.159	-
Cộng	<u>9.918.559.543</u>	<u>179.752.571</u>

V.5 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>
Công ty CP Đầu tư và XD Thiên Danh An	375.857.403
Sở giao thông vận tải Hoà Bình	349.626.036
Sở giao thông vận tải Ninh Bình	91.791.818
Công ty CP Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	808.165.171
Sở giao thông vận tải Thái Nguyên	561.791.816
Công ty TNHH Công trình Viettel	226.851.569
Cộng	<u>2.414.083.813</u>

V.6 Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	812.801.119	1.675.042.320
Công cụ, dụng cụ	15.099.754	43.672.954
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	1.301.335.898	42.424.443.038
Thành phẩm (**)	12.461.536.127	-
Hàng hoá	-	-
Hàng gửi bán	-	-
Cộng	<u>14.590.772.898</u>	<u>44.143.158.312</u>

(*) Chi tiết dở dang cuối kỳ

	<u>Số cuối năm</u>
Nhà Bát Giác Karaoke - Đã hủy hợp đồng, thu hồi lại vật tư	157.175.534
Sản xuất Bu lông dở dang	1.009.111.010
Công trình Cầu Giao thông Nông thôn	100.903.331
Công trình Cầu rửa xe	21.464.025
Công trình Sông mây	12.154.026
Công trình Thành Long	527.972
Cộng	<u>1.301.335.898</u>

(**) Trong đó: Thành phẩm tồn kho đã bàn giao cho Ban quản lý dự án các Công trình Điện miền Nam với số tiền bán hàng là khoảng 11,9 tỷ đồng, tuy nhiên do chưa được nghiệm thu việc lắp đặt trong năm 2013 nên Công ty chưa ghi nhận doanh thu và ghi giảm số lượng thành phẩm tương ứng cho lô hàng này.

V.7 Thuế GTGT được khấu trừ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án tại Hưng Yên	2.600.643.420	2.600.643.420
Phục vụ cho Sản xuất kinh doanh	1.543.159.349	1.184.466.978
Cộng	<u>4.143.802.769</u>	<u>3.785.110.398</u>

V.8 Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	670.322.162	670.322.162
Tạm ứng	34.680.131	2.012.905.729
Cộng	<u>705.002.293</u>	<u>2.683.227.891</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ 120

609 đường Trương Định - P.Giáp Bát - Q.Hoàng Mai - TP.Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

V.9 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.127.033.562	6.975.278.044	2.442.345.495	390.545.650	-	11.935.202.751
Số tăng trong năm	201.264.093	184.000.000	-	-	-	385.264.093
- Mua trong năm	201.264.093	184.000.000	-	-	-	385.264.093
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	59.394.573	268.281.456	54.570.000	311.761.496	-	694.007.525
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	80.079.032	-	80.079.032
- Giảm khác	59.394.573	268.281.456	54.570.000	231.682.464	-	613.928.493
Số dư cuối năm	2.268.903.082	6.890.996.588	2.387.775.495	78.784.154	-	11.626.459.319
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.389.366.969	6.791.129.911	2.359.971.729	361.485.802	-	10.901.954.411
Số tăng trong năm	96.838.999	162.061.813	30.660.954	10.351.251	-	299.913.017
- Khấu hao trong năm	96.838.999	162.061.813	30.660.954	10.351.251	-	299.913.017
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	59.394.573	241.448.123	46.056.202	296.862.850	-	643.761.748
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	80.079.032	-	80.079.032
- Giảm khác	59.394.573	241.448.123	46.056.202	216.783.818	-	563.682.716
Số dư cuối năm	1.426.811.395	6.711.743.601	2.344.576.481	74.974.203	-	10.558.105.680
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	737.666.593	184.148.133	82.373.766	29.059.848	-	1.033.248.340
Tại ngày cuối năm	842.091.687	179.252.987	43.199.014	3.809.951	-	1.068.353.639

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.064.543.688 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.951.472.128 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: -

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không

- Các thay đổi khác về phương pháp tính khấu hao: -

V.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1 Dự án Văn phòng, dịch vụ Thương mại và Nhà ở tại 609 Trương Định (*)	-	-
<i>Trong đó: Lãi vay</i>	-	-
2 Dự án Nhà máy SX Kết cấu thép, phụ tùng ô tô tại Hưng Yên (**)	57.163.934.847	73.370.740.769
<i>Trong đó: Lãi vay</i>	5.879.981.479	-
Cộng	<u>57.163.934.847</u>	<u>73.370.740.769</u>

(*) Thuộc dự án : "**Khu hỗn hợp dịch vụ thương mại, văn phòng chung cư và trường mầm non Nam Đô**" tại 609 Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000904 ngày 22 tháng 11 năm 2010, do UBND Thành phố Hà Nội cấp cho Công ty CP đầu tư Dầu khí Toàn Cầu và Công ty CP Cơ khí 120 cùng nhau góp vốn hợp tác đầu tư dự án thông qua hình thức hợp tác đầu tư.

- Tổng diện tích khu đất: 26.169,3 m2. Trong đó: Diện tích làm đường quy hoạch là: 8.412,3 m2. Diện tích đất xây dựng trường mầm non là: 3.376 m2. Diện tích xây dựng công trình hỗn hợp là : 14.381 m2. Diện tích xây dựng là 7.039m2.

- Tầng cao: 3, 14, 25, 28 tầng.

- Tổng vốn đầu tư : 996,870 tỷ đồng.

- Thời hạn hoạt động: 50 năm

Trước đó Công ty CP đầu tư Dầu khí Toàn Cầu và Công ty CP Cơ khí 120 cùng nhau ký kết hợp đồng hợp tác Đầu tư và Kinh doanh số 66/2009/GP.INVEST-CK120 ngày 05 tháng 10 năm 2009. Trong đó quy định:

+ Công ty CP Cơ khí 120 góp toàn bộ tài sản trên đất và lợi thế thương mại mà Công ty đang quản lý và sử dụng hợp pháp tại số 609 Trương Định để 2 bên hợp tác đầu tư. Công ty CP đầu tư Dầu khí Toàn Cầu góp vốn bằng tiền để thực hiện đầu tư dự án.

+ Công ty CP đầu tư Dầu khí Toàn Cầu là đại diện hợp pháp duy nhất của 2 bên để làm tư cách pháp nhân trong giấy chứng nhận đầu tư và quyết định giao đất của Thành phố.

Hiệu quả đầu tư của dự án được phân chia như sau:

- Công ty Cổ phần Cơ khí 120 sẽ nhận 3.250 m2 tại vị trí được 02 bên thống nhất nằm ở khu phía Bắc của khu đất (bao gồm: 1.650 m2 nằm ngoài chỉ giới đường đỏ để xây dựng văn phòng, dịch vụ thương mại và nhà ở của Công ty; 1.600m2 đất nằm trong chỉ giới đường đỏ). Ngoài ra Công ty còn nhận được 50 tỷ đồng bao gồm tiền đền bù toàn bộ tài sản trên đất; tiền lợi thế thương mại của khu đất, tiền hỗ trợ di chuyển các thiết bị sản xuất trong nhà máy; tiền hỗ trợ ngừng việc; tiền lãi trả trước việc đầu tư xây dựng và khai thác dự án, để tái đầu tư xây dựng. Công ty cổ phần Cơ khí 120 không có yêu cầu nào khác về quyền và lợi ích của dự án này mà GP.INVEST toàn quyền chủ động kinh doanh và vận hành khai thác sau đầu tư.

Công ty Cơ khí 120 đã thu hồi được toàn bộ số tiền 50 tỷ nêu trên, tuy nhiên đối với Dự án xây dựng Công ty Cơ khí 120 lại ký kết với Công ty CP đầu tư Cơ khí Toàn Cầu Phụ lục 06 của Hợp đồng 66/2009/GP.INVEST-CK120 về việc hợp tác đầu tư xây dựng trên phần diện tích 1.555 m2 (trong 1.650 m2 nêu trên) tại số 609 Trương Định, Hoàng Mai, Hà Nội. Theo đó Công ty Cổ phần CK 120 góp bằng toàn bộ số đất trên, Công ty CP Đầu tư Cơ khí Toàn Cầu bỏ toàn bộ Chi phí để hoàn thành dự án.

Đến thời điểm kiểm toán, dự án này chưa được triển khai xây dựng, chỉ mới phát sinh chi phí tiền thuê đất hàng năm, Công ty Cổ phần đầu tư Toàn Cầu đã đứng ra trả thay cho Công ty CK 120 và tiền lãi từ việc trả thay đó.

Sau thời hạn 3 năm kể từ ngày ký phụ lục hợp đồng này (Từ 22/11/2011 - 22/11/2014) nếu dự án không được triển khai hoặc nếu 2 bên không thống nhất ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư thì Công ty CP Cơ khí 120 có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền thuê đất hàng năm mà công ty CP Đầu tư Dầu khí Toàn Cầu đã nộp hộ cộng với lãi vay tích lũy hàng năm.

() Dự án Nhà máy chế tạo kết cấu thép, phụ tùng Ô tô tại Hưng Yên.**

Ngày 08/7/2004 UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quyết định số 1589/QĐ-UB cho Công ty CP Cơ khí 120 thuê 156.321m² đất trong đó 148.613m² đất tại xã Gia Phạm, huyện Yên Mỹ và 7.708m² đất tại xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang để thực hiện dự án.

Ngày 15/3/2007 Công ty CP Cơ khí 120 đã ký hợp đồng thuê đất số 35/HĐ-TH với Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên và được UNDN tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 073657 và AI 073658 ngày 20/7/2007 với tổng diện tích là 156.321 m².

Tuy nhiên, do thực hiện chậm tiến độ, ngày 15/7/2009 UNDN tỉnh Hưng Yên đã ban hành quyết định số 1309/QĐ-UBND về việc thu hồi toàn bộ diện tích đất đã cho Công ty thuê. Ngày 27/8/2009 UNDN tỉnh Hưng Yên ra quyết định số 1675/QĐ-UB về việc thu hồi các văn bản chấp thuận dự án. Ngày 1/10/2011 UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quyết định số 1722/QĐ-UBND về việc hủy các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đã cấp cho Công ty.

Chi phí phê duyệt cho phương án đền bù theo quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 10/3/2010 là 48.294.503.000 VNĐ.

Ngày 16/01/2012 Đoàn Thanh tra Liên Ngành của UBND tỉnh Hưng Yên đã ra Báo cáo số 07/BC-TTLN về Kết quả Thanh tra hoạt động đầu tư của Công ty sau khi có quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh. Báo cáo kết quả Công ty Cơ khí vẫn tiếp tục đầu tư xây dựng các hạng mục Công trình trên khu đất đã có Quyết định thu hồi của UBND tỉnh Hưng Yên với tổng giá trị là 22.193.641.000 VNĐ. Yêu cầu Công ty CP Cơ khí 120 chấm dứt các hoạt động sản xuất kinh doanh đầu tư trên khu đất đã được thu hồi. Dỡ bỏ các hạng mục Công trình đã đầu tư sau ngày có quyết định thu hồi đất, di dời toàn bộ máy móc thiết bị ra khỏi phạm vi khu đất đã bị thu hồi, bàn giao mặt bằng nguyên trạng cho UBND tỉnh Hưng Yên.

Ngày 02/12/2013 Thanh tra Chính phủ ban hành Báo cáo số 2781/TTCP về Kết quả kiểm tra, rà soát lại nội dung khiếu nại của Công ty CP cơ khí 120, tỉnh Hưng Yên. Báo cáo kiến nghị:

- Hủy bỏ Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 15/07/2009 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc thu hồi 156.321 m² đất đã cấp cho Công ty CP Cơ khí 120;
- Hủy bỏ Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 1/10/2011 về hủy bỏ các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất vì chưa đủ thời hạn thu hồi theo quy định của Pháp luật về đất đai;
- Khôi phục lại giá trị pháp lý của các quyết định giao đất và cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất trước đây cho Công ty CP Cơ khí 120;
- Yêu cầu Công ty CP Cơ khí 120 phải đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư và hoàn thiện đầy đủ các thủ tục đầu tư xây dựng theo quy định.

Ngày 31/12/2013, UBND tỉnh Hưng Yên kiến nghị lên Thủ tướng Chính Phủ số 218/BC-UBND về việc Giải trình, làm rõ một số nội dung liên quan đến việc thu hồi đất và giải quyết khiếu nại của Công ty CP CK 120. Kiến nghị Công ty CP CK 120 phải lập, trình duyệt lại dự án đầu tư, trong đó xác định cụ thể quy mô dự án, tổng số vốn đầu tư, nhu cầu sử dụng đất theo hướng tiết kiệm đất đai, tiến độ thực hiện dự án, cam kết thu hút lao động tại địa phương...; trên cơ sở đó hoàn thiện hồ sơ, thủ tục theo đúng quy định của Luật đầu tư, Luật đất đai và các quy định hiện hành. Trường hợp sử dụng không hết diện tích đất, nhất là phần Công ty CP Cơ khí 120 chưa sử dụng, chưa xây dựng Công trình; Công ty cần bàn giao phần diện tích đó cho tỉnh Hưng Yên để cho doanh nghiệp khác thuê, nhằm tránh lãng phí đất.

V.11 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Văn phòng, dịch vụ Thương mại và Nhà ở tại 609 Trương Định - Tiền thuê đất và lãi vay	-	2.639.610.514
Dự án Nhà máy SX Kết cấu thép, phụ tùng ô tô tại Hưng Yên - Tiền thuê đất	-	4.400.111.415
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	41.731.979	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	8.513.798	-
Cộng	50.245.777	7.039.721.929

V.12 Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	66.290.907.268	51.899.583.829
Ngân hàng	52.330.611.759	38.398.519.320
- TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	21.177.429.056	5.229.015.546
- TMCP Công thương VN - CN Hai Bà Trưng (*)	31.153.182.703	33.169.503.774
Tổ chức	8.446.136.509	8.446.136.509
- Công ty CP Đầu tư Dầu khí Toàn Cầu	2.746.136.509	2.746.136.509
- Công ty TNHH Đại Dương	5.200.000.000	5.200.000.000
- Công ty TNHH sản xuất lắp ráp ô tô TMT	500.000.000	500.000.000
Vay cá nhân	5.514.159.000	5.054.928.000
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	66.290.907.268	51.899.583.829

(*) Khoản nợ này đã quá hạn phân loại nợ xấu từ 12/04/2013. Ngày 07/04/2014 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hai Bà Trưng đã gửi Công văn yêu cầu Công ty CP Cơ khí 120 bàn giao Tài sản đảm bảo là:

- Nhà làm việc trên khu đất tổng diện tích 1.650 m² tại 609 Trương Định, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.
- Bàn giao tài sản thế chấp là 04 xe ô tô.

V.13 Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Điện tử tin học hóa chất	676.258.160	676.258.160
Công ty CP Thiết bị phụ tùng Sài Gòn	1.894.861.927	1.894.861.927
Công ty CP ĐT TM Sơn Linh	1.347.485.700	-
• Nhà máy quy chế II	288.784.553	323.984.035
Công ty CP Tiến Đạt	54.897.733	54.897.733
DN kim khí Bắc Nam	287.049.425	287.049.425
Công ty CP Kinh doanh Thép hình	94.533.965	500.261.905
Công ty CP Thép Miền Bắc	5.245.732	5.245.732
Công ty TNHH Nam Vàng	1.441.956.624	1.441.956.624
Công ty TNHH Kim khí TM Quỳnh Minh	4.700.233.079	4.700.233.079
Tổ hợp tác Hai Thành	157.997.600	157.997.600
Công ty Cơ khí chính xác số I	40.000.000	40.000.000
Trung Tâm CKCX Bách Khoa (Đạm)	49.120.000	49.120.000
Công ty CP ĐTPPT BOT Việt Nam	57.016.000	57.016.000
Công ty CP Công nghiệp BITECH	738.218.400	798.218.400
Sơn - S/C 609 Trương Định	102.849.494	-
Công ty TNHH TM Tổng hợp XD Phúc Thịnh	3.500.000	-
CN Công ty CP Dịch vụ Vận tải đường sắt tại HN	8.300.000	8.300.000
Công ty TNHH Vận tải huỳnh Lan	120.913.650	-
Công ty TNHH Hưng Phú	4.315.648	4.315.648
Công ty TNHH Hải Vân Nam	6.996.580	6.996.580
Công ty TNHH TM Công nghiệp Nam Anh	5.000.000	5.000.000
Công ty CP Vận tải Ô tô số 1	243.374.720	243.374.720
Công ty TNHH TM & DV Việt Hưng	5.346.000	5.346.000
Công ty TNHH Xây lắp TM Vĩnh Long	15.000.000	15.000.000
CN Công ty CP DVVT Đường sắt XN Vận tải & Dịch vụ Yên Viên	366.876.712	366.876.712
Công ty TNHH Tư vấn Doanh nghiệp K và Cộng Sự	1.500.000	1.500.000
Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1	2.100.000	2.100.000
Công ty CP Cơ khí ô tô Hoà Bình	8.097.200	8.097.200
Công ty TNHH MTV DV Phát hành báo chí Thái Dương	4.568.000	3.886.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ 120

609 đường Trương Định - P.Giáp Bát - Q.Hoàng Mai - TP.Hà Nội

Báo cáo tài chính*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

Công ty CP XD Và TM Việt Long	56.000.000	56.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Phương Phan	10.010.000	10.010.000
Công ty TNHH TM &XD Tiến bộ	11.500.000	14.500.000
Công ty CPĐT và Xây lắp Thành An 665 (*)	7.229.112.068	3.811.270.000
Trung Tâm xử lý bom mìn (TK 241)	224.485.000	224.485.000
Công ty CPĐT và XD PIDI	5.476.600	5.476.600
Xí nghiệp xây dựng PIDI	269.665.413	269.665.413
Công ty Sông Đà Sao	189.000.000	189.000.000
Công ty Kiểm toán ASNAF Việt Nam	18.000.000	48.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà nội - CN Hà Nội	55.000.000	55.000.000
Công ty Kiểm toán Quốc tế UNISTARS	27.500.000	27.500.000
Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam	96.500.000	96.500.000
Công ty TNHH IPC	-	360.230.126
Doanh nghiệp Tư nhân Kim khí Sắt thép Hạnh Đăng	-	1.927.306.174
Công ty TNHH Kinh doanh thiết bị và Xây lắp Hà Nội	-	18.900.000
Công ty điện lực Hoàng Mai	-	144.709.830
Công ty Điện tử tin học hóa chất BQP	-	5.411.600
Công ty xăng dầu KVI	-	1.434.240
Công ty CP Than và VLXD Bắc Hà Nội	-	822.825
Công ty Thiên Hoàng	-	1.078.413
Công ty TNHH SX &TM Hương Thảo	-	2.690.027
Công ty Cơ khí Ôtô 3-2	-	7.558.653
Công ty CPĐT Công nghiệp Hà Nội	-	3.385.050
Công ty Xây dựng Công trình	-	829.304
Công ty Cổ Phần Kim Tín	-	378.186
Công ty TNHH DV Vận tải TM Minh Tuấn	-	400.000
Công ty cấp nước Hưng Yên	-	560.000
Cộng	20.924.645.983	18.940.994.921

(*) Theo Quyết định số 711/QĐ-CCTHA ngày 11/08/2011 của Cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai - Thành phố Hà Nội về việc Thi hành án theo đơn yêu cầu. Theo đó buộc Công ty CP Cơ khí 120 phải trả cho Công ty CP Đầu tư và Xây Lắp Thành An số tiền là 7.829.112.068 VNĐ (Trong đó: Tiền nợ gốc là 4.812.318.000 VNĐ; Nợ lãi là: 3.016.731.068 VNĐ). Trong năm 2012 Công ty đã thanh toán được 600 triệu trong số nợ trên. Do đó số dư nợ cuối kỳ theo Thông báo về việc thi hành án của Tổng cục thi hành án dân sự - Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên số 30/TB-CCTHA ngày 12 tháng 10 năm 2012 mà Công ty CP Cơ khí 120 phải trả cho Công ty CP đầu tư và Xây lắp Thành An 665 số tiền là 7.229.112.068 VNĐ.

V.14 Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Nam	-	4.701.502.890
Công ty CP Ứng dụng Quốc tế HP	-	110.000.000
Công ty Tương lai mới	-	32.000.000
Công ty TNHH Thiên Ngọc An	-	14.514.575
Công ty CPĐT XD&DV Thiên Sơn	-	6.625.151
Ban Dịch vụ Tổng hợp	-	20.000.000
Công ty TNHH Thương mại Điện tử Hoàng Sơn	110.000.000	-
Chi nhánh xuất khẩu lao động Vinamotor	64.483.315	-
Cộng	174.483.315	4.884.642.616

V.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	485.614.401	496.880.593
Thuế thu nhập doanh nghiệp	66.984.513	7.879.662.780
Thuế nhà đất và tiền thuê đất (*)	4.227.882.902	3.487.840.082
Các loại thuế khác	335.060.755	-
Cộng	5.115.542.571	11.864.383.455

(*) Trong đó tiền thuê đất phải nộp cho tỉnh Hưng Yên là 3.303.913.916 VNĐ đơn vị đang tạm tính theo đơn giá của hợp đồng thuê đất số 35/HĐ-TĐ ngày 15/03/2007, với đơn giá 2.500 VNĐ/m²/năm. Tiền thuê đất này được phép bù trừ với chi phí Giải phóng mặt bằng mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có thể sử dụng mảnh đất đó.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

V.16 Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước Chi phí lãi vay	10.522.597.646	4.196.513.969
- Ngân hàng TMCP Công thương	5.521.929.506	741.366.789
- Công ty TNHH Đại Dương	2.423.000.000	1.487.000.000
- Công ty CP Đầu tư Dầu khí Toàn Cầu	1.322.730.140	933.767.180
- Cá nhân	1.254.938.000	1.034.380.000
Cộng	10.522.597.646	4.196.513.969

V.17 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	-	168.058.023
Bảo hiểm xã hội	1.169.240.475	864.983.947
Phải trả về cổ phần hóa	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	13.079.411.000	11.958.206.702
Cộng	14.255.422.975	12.991.248.672

(*) Các đối tượng chính bao gồm:

- Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam	522.702.094	522.702.094
- Công ty Sinh Việt góp vốn thành lập Công ty	6.324.730.287	6.324.730.287
- Công ty Cơ khí số 1 góp vốn thành lập Công ty	2.500.000.000	2.500.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Toàn Cầu	2.669.401.201	1.805.843.334
- Lương Bảo hành sản phẩm	132.567.938	132.567.938
- Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	319.948.964	135.517.971
- Cổ tức phải trả	58.175.445	60.525.445
- Các khoản phải trả khác	551.885.071	476.320.633
Cộng	13.079.411.000	11.958.207.702

V.18 Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi trả trước theo Hợp đồng hợp tác Đầu tư và Kinh doanh số 66/2009/GP.INVEST-CK120 ngày 05 tháng 10 năm 2009, được phân bổ từ quý 4/2009 đến hết năm 2015.	12.023.997.925	-
Cộng	12.023.997.925	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ 120

609 đường Trương Định - P. Giáp Bát - Q. Hoàng Mai - TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

V.19 Vốn Chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND					
	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	760.959.408	13.211.137.223	888.161.045	(7.072.680.052)	37.787.577.624
Tăng trong năm trước	-	-	-	-	(4.194.881.964)	(4.194.881.964)
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	760.959.408	13.211.137.223	888.161.045	(11.267.562.016)	33.592.695.660
Tăng trong năm nay	-	-	-	-	(58.753.074.868)	(58.753.074.868)
Tăng khác trong năm	-	-	-	-	27.350.851.332	27.350.851.332
Giảm khác trong năm	-	-	-	-	40.214.604.002	40.214.604.002
Số dư cuối năm nay	30.000.000.000	760.959.408	13.211.137.223	888.161.045	(82.884.389.554)	(38.024.131.878)

Tăng/ giảm khác trong năm do ảnh hưởng của các chỉ tiêu sau:

Chỉ tiêu

Chỉ tiêu	Số tiền
1. Giảm chi phí thuế TNDN phải nộp năm 2009 và 2010 làm cho LN chưa phân phối năm trước tăng	7.811.854.725
2. Tăng thu nhập khác tiền lãi hàng năm nhận được từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Dầu tư Dầu khí Toàn Cầu năm 2009 làm cho LN chưa phân phối năm trước tăng	1.502.999.739
3. Tăng thu nhập khác tiền lãi hàng năm nhận được từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Dầu tư Dầu khí Toàn Cầu năm 2010 làm cho LN chưa phân phối năm trước tăng	6.011.998.956
4. Tăng thu nhập khác tiền lãi hàng năm nhận được từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Dầu tư Dầu khí Toàn Cầu năm 2011 làm cho LN chưa phân phối năm trước tăng	6.011.998.956
5. Tăng thu nhập khác tiền lãi hàng năm nhận được từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Dầu tư Dầu khí Toàn Cầu năm 2012 làm cho LN chưa phân phối năm trước tăng	6.011.998.956

Cộng LN chưa phân phối năm trước tăng

6. Phân bổ tiền lãi vay Công ty CP đầu tư Dầu khí Toàn Cầu năm 2012 làm cho LN chưa phân phối năm trước giảm	933.767.180
7. Phân bổ chi phí tiền thuê đất tại 609 Trương Định làm cho LN chưa phân phối năm trước giảm	1.705.843.334
8. Giảm thu nhập khác là khoản tiền lãi trả trước từ việc đầu tư và khai thác dự án từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Dầu tư Dầu khí Toàn Cầu đã được đơn vị ghi nhận hết vào thu nhập khác trong năm 2009 và 2010 làm cho LN chưa phân phối năm trước giảm	37.574.993.488
Cộng LN chưa phân phối năm trước giảm	40.214.604.002

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ 120

609 đường Trương Định - P. Giáp Bát - Q. Hoàng Mai - TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiêu	Đầu năm	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước (*)	13.658.000.000	45,53%	13.658.000.000	45,53%
Vốn góp của các đối tượng khác	16.342.000.000	54,47%	16.342.000.000	54,47%
- Do pháp nhân năm giữ	-	0,00%	-	0,00%
- Do thể nhân năm giữ	16.342.000.000	54,47%	16.342.000.000	54,47%
Cộng	30.000.000.000	100,00%	30.000.000.000	100,00%

(*) Là Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam

- Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

- Số lượng cổ phiếu quỹ

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp đầu năm

Vốn góp tăng trong năm

Vốn góp giảm trong năm

Vốn góp cuối năm

- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

d) Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

- Cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu ưu đãi

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

- Quỹ đầu tư phát triển

- Quỹ dự phòng tài chính

- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	30.000.000.000	30.000.000.000

-

-

30.000.000.000

-

	Số cuối năm	Số đầu năm
	3.000.000	3.000.000

3.000.000

3.000.000

3.000.000

-

	Số cuối năm	Số đầu năm
	13.211.137.223	13.211.137.223

888.161.045

-

888.161.045

-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ 120

609 đường Trương Định - P. Giáp Bát - Q. Hoàng Mai - TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

f) Phân phối lợi nhuận trong năm

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thực hiện trong năm	(58.753.074.868)	(4.194.881.964)
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	(11.267.562.016)	(7.072.680.052)
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trong năm	-	-
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trong năm	-	-
Lợi nhuận đã phân phối trong năm (*)	-	-
Chia cổ tức	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	-	-
Quỹ Dự phòng Tài chính	-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối đến cuối năm	(70.020.636.884)	(11.267.562.016)

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(58.753.074.868)	(4.194.881.964)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm Lợi nhuận kế toán để xác định Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu có phần phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu có phiếu phổ thông	(58.753.074.868)	(4.194.881.964)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(19.584,36)	(1.398,29)

VI Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh**VI.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	22.152.933.532	4.681.072.483
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.274.525.648	2.306.784.869
Cộng	24.427.459.180	6.987.857.352

VI.2 Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	26.036.697.568	5.419.328.841
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	814.365.743	1.103.579.226
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	40.773.189.743	-
Cộng	67.624.253.054	6.522.908.067

VI.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.367.227	38.899.170
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	-
Cộng	24.367.227	38.899.170

VI.4 Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	7.554.463.995	4.623.621.615
Chi phí tài chính khác - Lãi chậm trả cho Công ty CPĐT và Xây lắp Thành An 665	3.016.731.068	-
Cộng	10.571.195.063	4.623.621.615

VI.6 Chi phí quản lý

	Năm nay
Chi phí nhân viên quản lý	906.464.517
Chi phí khấu hao TSCĐ	43.675.733
Thuế, phí và lệ phí	10.890.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.173.384.553
Chi phí bằng tiền khác	417.918.594
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	2.414.083.813
Cộng	7.966.418.066

VI.7 Lợi nhuận khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	6.078.336.980	463.987.791
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	277.487.791
Thanh lý TSCĐ	650.000	183.500.000
Thanh lý Tài sản là nhà vệ sinh tại 921 Giải Phóng không có trong sổ sách	20.000.000	-
Thu nhập từ việc hủy hợp đồng	21.139.726	-
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	24.548.298	-
Thu nhập khác	6.011.998.956	3.000.000
- Lãi trả trước từ việc đầu tư và khai thác dự án(*)	6.011.998.956	-
Chi phí khác	3.121.372.072	160.568.596
Chi phí nhượng bán BĐS	-	-
Thanh lý TSCĐ	-	25.051.625
Lãi phạt chậm nộp BHXH	184.431.993	135.516.971
Chi phí phạt chậm nộp thuế theo QĐ số 49808/QĐ-CT ngày 13 tháng 12 năm 2013 của Cục thuế Hà Nội	243.254.614	-
Công nợ không có khả năng thu hồi	2.693.685.465	-
Lợi nhuận khác	2.956.964.908	303.419.195

(*) Là tiền lãi trả trước từ việc đầu tư xây dựng và khai thác dự án, để tài đầu tư xây dựng mà Công ty CP Đầu tư Dầu khí Toàn Cầu trả trước cho Công ty CP Cơ khí 120, số tiền trả trước này được phân bổ từ quý 4/2009 đến hết năm 2015.

VI.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chỉ tiêu		Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán	[1]	(58.753.074.868)	(4.194.881.964)
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế TNDN	[2]	3.145.458.072	-
Bù trừ lỗ từ các năm trước	[3]	12.280.751.943	-
Lỗ năm 2011		8.085.869.979	-
Lỗ năm 2012		4.194.881.964	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	[4]=[1]+[2]-[3]	(67.888.368.739)	(4.194.881.964)
Thuế suất thuế TNDN	[5]	25,00%	25,00%
Thuế TNDN	[6]=[4]*[5]	-	-
Thuế TNDN được miễn, giảm theo thông tư 140/2012 ngày 21/08/2012 của BTC	[7]	-	-
Thuế TNDN hiện hành	[8]=[6]-[7]	-	-

VI.9 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	18.057.300.249	13.761.145.036
Chi phí nhân công	2.055.030.482	1.222.958.853
Chi phí khấu hao TSCĐ	299.913.017	855.656.905
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.963.139.355	3.770.686.872
Chi phí khác bằng tiền	1.072.684.989	739.292.886
Cộng	31.448.068.092	20.349.740.552

VII. Những thông tin khác

VII.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo Tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo Tài chính.

VII.2 Giao dịch giữa các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Cổ đông	Vay	1.326.000
Chi nhánh Xuất khẩu Lao động Vinamotor	Cùng thuộc Tổng Công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam	Cung cấp dịch vụ Thanh toán tiền dịch vụ	236.501.906 300.985.221

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giá trị khoản phải thu/ (phải trả) (VND)
Tổng Công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam	Công ty mẹ	522.702.094
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp ô tô TMT	Cùng thuộc Tổng Công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam	500.000.000
Chi nhánh Xuất khẩu Lao động Vinamotor	Cùng thuộc Tổng Công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam	64.483.315
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Cổ đông	13.603.000

VII.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được trình bày trên Báo cáo Tài chính là các số liệu trên Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Số liệu này đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng  **Kiểm Giám đốc** 

Nguyễn Thị Hồng Hạnh **Vũ Việt Hùng**

